

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-02-2023

“Về việc ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Danh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thành Đô.

2. Bà Lê Thị Thận.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân
gia đình thụ lý số: 279/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022, về việc
“Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ,
ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Mai Thị Thu H, sinh năm 1986 (Vắng).

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Đỗ Quang H, sinh năm 1977 (Vắng).

Địa chỉ: Thôn, xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án
nguyên đơn chị Mai Thị Thu H trình bày: Chị và anh Đỗ Quang H tự nguyện
chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình
Phước vào ngày 14/03/2012. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với
nhau hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu
thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ
chồng hay cãi nhau. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung
không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải
quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Quang H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 02 con chung
là Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 01/7/2012, Đỗ Quang H1, sinh ngày 16/3/2019, sau
khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng
giáo dục con chung, không yêu cầu anh Đỗ Quang H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đỗ Quang H trình bày:

Về quan hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn theo đơn khởi kiện của chị Mai Thị Thu H vì mâu thuẫn vợ chồng cũng đã trầm trọng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 02 con chung là Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 01/7/2012, Đỗ Quang H1, sinh ngày 16/3/2019, sau khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị Mai Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Mai Thị Thu H yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Quang H, nơi cư trú của anh Đỗ Quang H tại thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án “Hôn nhân gia đình” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị Mai Thị Thu H, bị đơn anh Đỗ Quang H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Mai Thị Thu H và anh Đỗ Quang H tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 14/03/2012. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xác định hôn nhân giữa chị Mai Thị Thu H và anh Đỗ Quang H là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị Thu H thấy rằng: Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau. Bị đơn anh Đỗ Quang H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Mai Thị Thu H vì mâu thuẫn vợ chồng cũng đã trầm trọng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Mai Thị Thu H và anh Đỗ Quang H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị Thu H là phù hợp.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị Mai Thị Thu H thấy rằng: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 02 con chung là Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 01/7/2012, Đỗ Quang H1, sinh ngày 16/3/2019, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung cho đến khi thành niên, bị đơn anh Đỗ Quang H cũng đồng ý giao con chung cho chị Mai Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành,

quá trình giải quyết vụ án cháu Đỗ Thị Ngọc H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Mai Thị Thu H, sau khi chị Mai Thị Thu H và anh Đỗ Quang H ly hôn. Do đó cần giao con chung là Đỗ Thị Ngọc H, Đỗ Quang H1 cho chị Mai Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Mai Thị Thu H, anh Đỗ Quang H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị Thu H. Chị Mai Thị Thu H được ly hôn với anh Đỗ Quang H.

[2]. Về con chung: Giao con chung Đỗ Thị Ngọc H, sinh ngày 01/7/2012, Đỗ Quang H1, sinh ngày 16/03/2019 cho chị Mai Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Mai Thị Thu H, anh Đỗ Quang H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

[6]. Về án phí: Chị Mai Thị Thu H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000823 ngày 20/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[7]. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Danh

